



## WEEKLY WRAP

Tuần GD: 1/4/2024 - 5/4/2024

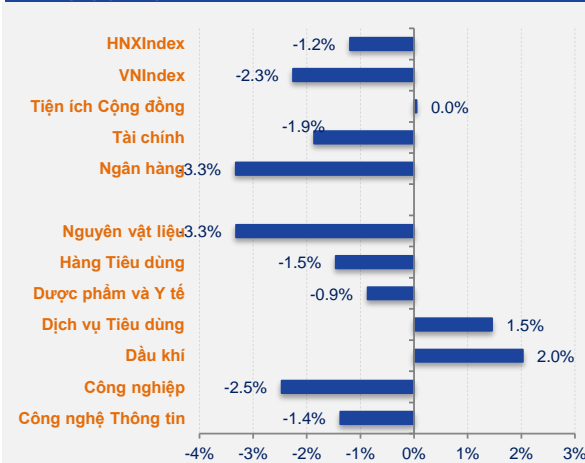
## THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
<b>Thông kê thị trường</b>				
Index	1,255.11 ↓	-2.3%	239.68 ↓	-1.2%
KLGD (trCP)	4,886.86 ↑	2.7%	582.54 ↑	23.8%
GTGD (tỷ VND)	127,074.91 ↑	2.4%	12,970.97 ↑	28.2%
Tổng cung (trCP)	12,021.19 ↑	5.5%	916.73 ↑	11.4%
Tổng cầu (trCP)	14,167.81 ↑	22.3%	785.11 ↑	8.9%

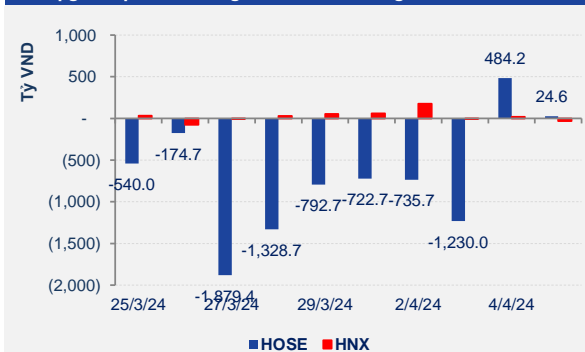
## Giao dịch NĐT nước ngoài

KL mua (trCP)	334.94 ↑	9.1%	16.80 ↑	53.6%
KL bán (trCP)	378.91 ↓	-11.9%	12.89 ↑	5.6%
GT mua (tỷ VND)	10,689.78 ↓	-0.5%	555.12 ↑	61.5%
GT bán (tỷ VND)	12,869.37 ↓	-16.7%	334.19 ↑	9.1%

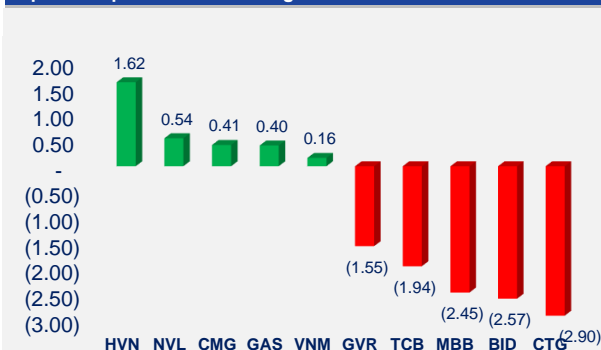
## Biến động giá Ngành theo Tuần



## Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



## Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



VN-INDEX trải qua tuần giao dịch nhiều biến động về hướng tiêu cực khi chịu áp lực điều chỉnh khá mạnh ở vùng giá quanh 1.295 điểm tương ứng đỉnh giá tháng 08/2022. Trong đó 02 phiên đầu tuần biến động nhẹ, áp lực bán bắt đầu gia tăng mạnh hơn trong những phiên cuối tuần khi VN-INDEX, VN30 cho tín hiệu kết thúc xu hướng tăng ngắn hạn, tâm lý nhà đầu tư kém lạc quan. Kết tuần VN-INDEX giảm 2,23% so với tuần trước về mức 1.255,11 điểm, quay trở lại kiểm tra vùng giá cao nhất năm 2023 tương ứng 1.245 điểm -1.255 điểm. VN-INDEX vẫn đang vượt lên các vùng kháng cự quan trọng trung dài hạn như 1.200 điểm, 1.250 điểm. HNX-INDEX kết thúc tuần ở mức 239,69 điểm giảm 1,20% so với tuần trước.

Trong tuần thanh khoản trên HOSE đạt 127.065 tỉ đồng, tăng 12,4% so với tuần trước, ở mức trung bình, cải thiện trở lại khi công ty CP chứng khoán VNDIRECT đã kết nối với các sở giao dịch. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng tiếp tục giao dịch đột biến trong tuần, bán ròng với giá trị 2.178,71 tỉ đồng trên HOSE; Đây là đang là chuỗi bán ròng đột biến liên tiếp của khối ngoại trên HOSE, mua ròng khá mạnh trên HNX với giá trị 220,94 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận nhiều thông tin trong tuần như: Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng PMI - ngành sản xuất Việt Nam giảm về dưới ngưỡng 50 điểm trong tháng 3/2024, với kết quả 49,9 điểm sau khi đạt 50,4 điểm trong tháng 2. PMI toàn phần ngành sản xuất ASEAN tăng lên 51,1 điểm trong tháng 3/2024, từ mức 50,4 điểm trong tháng 2. Tổng cục Thống kê xây dựng 3 kịch bản lạm phát cho năm 2024 tương ứng với CPI bình quân năm lần lượt là 3,8%; 4,2% và 4,5%. Các bộ trưởng cấp cao của OPEC+ ngày 03/04/2024 đã quyết định giữ nguyên chính sách sản lượng dầu.

Trong tuần qua, dưới áp lực bán trong của khối ngoại, nhóm cổ phiếu VN30 có diễn biến kém tích cực với mức giảm 3,02% so với tuần trước. Các cổ phiếu ngân hàng ngoại trừ SGB (+2,82%) thì hầu hết đều chịu áp lực điều chỉnh mạnh, thanh khoản gia tăng vượt mức trung bình như MBB (-8,07%), VIB (-7,72%), CTG (-6,61%), STB (-6,33%), TCB (-4,94%)... Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng chịu áp lực bán mạnh, đặc biệt trong phiên cuối tuần sau giai đoạn tăng giá tốt như TVB (-10,38%), ORS (-8,31%), AGR (-8,07%), VDS (-7,73%), VCI (-7,62%)... ngoài BVS (+10,45%), IVS (+7,03%) tăng giá.

Nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su sau giai đoạn tăng giá khá mạnh, cũng chịu áp lực bán mạnh trong những phiên cuối tuần, thanh khoản gia tăng mạnh với SIP (-9,89%), DPR (-7,16%), SZC (-6,48%), SNZ (-6,38%), KBC (-5,58%)... ngoài NTC (+4,55%), LHG (+0,97%) tích cực hơn. Trong khi đó các cổ phiếu bất động sản có diễn biến phân hóa tích cực hơn nổi bật như NVL (+6,09%) khi được bổ sung vào danh mục cho vay ký quỹ, HAR (+11,59%), NTL (+8,78%), PXL (+6,77%), TCH (+5,10%)... bên cạnh nhiều mã chịu áp lực điều chỉnh mạnh như HPX (-8,78%), VPH (-6,47%), IJC (-5,70%), ITC (-5,67%)...

Nhóm cổ phiếu dầu khí cũng có diễn biến tăng giá nổi bật trước những thông tin về dự án Lô B Ômôn và giá dầu tăng giá mạnh, rất nhiều mã tăng giá mạnh như POS (+20,31%), PVC (+11,49%), PGS (+11,11%), PTV (+10,87%), PVS (+7,65%), PVB (+7,41%)...

Trên thị trường phái sinh kỳ hạn VN30F2404 kết thúc tuần ở mức 1.252,1 điểm, giảm mạnh 3,54% so với tuần trước, chênh lệch âm gia tăng lên -5,68 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng mạnh 20,56% so với tuần trước, cho thấy áp lực bán phòng ngừa rủi ro gia tăng. Xu hướng ngắn hạn VN30F2404 đã kết thúc tăng trưởng, chuyển sang giai đoạn điều chỉnh dưới kháng cự quanh 1.268 điểm, giá trung bình MA20 phiên, hỗ trợ quanh 1240 điểm, vùng giá thấp đầu tháng 3/2024. Các kỳ hạn VN30F2405, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch dương rất thấp từ 0,92 điểm đến 0,12 điểm so với VN30 cho thấy các trader chưa khả quan về xu hướng VN30.

# WEEKLY WRAP

Tuần GD: 1/4/2024 - 5/4/2024

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Thị trường điều chỉnh giảm sau 3 tuần tăng điểm liên tiếp, chốt tuần Vn-Index giảm -28,98 điểm (-2,26%) và đóng cửa ở 1.255,11 điểm. Thị trường điều chỉnh nhưng vẫn trong quá trình tích lũy nếu Vn-Index không đánh mất vùng hỗ trợ quanh 1.250 điểm, việc thị trường rung lắc trước cản mạnh 1.300 điểm là vận động bình thường và chúng tôi cũng đã dự báo. Vn-Index có thể còn vận động rung lắc rũ bỏ và tích lũy thêm với ngưỡng 1.250 sẽ là ngưỡng hỗ trợ, trong trường hợp Vn-Index thủng ngưỡng hỗ trợ 1.250 thì Vn-Index sẽ quay đầu bước vào nhịp giảm ngắn hạn trong kênh swing rộng.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, thị trường đang rung lắc trước ngưỡng cản mạnh 1.300 điểm và nếu giữ được ngưỡng hỗ trợ 1.250 điểm thì vận động của thị trường vẫn ở trạng thái tích lũy và khả năng tăng điểm để vượt kháng cự sau đó sẽ càng tin cậy hơn. Trong trường hợp tiêu cực nếu VnIndex đánh mất vùng quanh 1.250 điểm thì VnIndex sẽ bước vào nhịp giảm ngắn hạn.

Về góc nhìn trung hạn VnIndex đang có đà tăng mạnh nhưng chưa thực sự xác nhận Uptrend trừ khi VnIndex vượt cản 1.300 điểm, hiện tại Vn-Index đang hình thành nền tích lũy trước ngưỡng cản mạnh 1.300 và sẵn sàng để vượt cản tuy nhiên có thể thị trường cần thêm thời gian tích lũy bởi ngưỡng 1.300 điểm là khu vực cản mạnh, khoảng nền tích lũy càng kéo dài thì quá trình vượt cản sẽ càng tin cậy. Chúng tôi cho rằng khu vực tích lũy cho nỗ lực vượt cản sẽ là vùng 1.250 điểm - 1.300 điểm.

Vn-Index điều chỉnh sau 3 tuần tăng điểm liên tiếp và vẫn trong kênh tích lũy 1.250 điểm - 1.300 điểm và thời gian tích lũy khả năng sẽ nhiều hơn so với kỳ vọng. Nhà đầu tư ngắn hạn và trung hạn có thể giải ngân nếu thị trường có tín hiệu phục hồi trong tuần tới, trong trường hợp tiêu cực Vn-Index thủng hỗ trợ 1.250 nhà đầu tư ngắn hạn cần hạn chế giải ngân vì Vn-Index sẽ bước vào nhịp giảm ngắn hạn.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



## WEEKLY WRAP

Tuần GD: 1/4/2024 - 5/4/2024

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
BWE	43.95	42.5-43.5	50-52	40	12.6	8.1%	-13.6%	Theo dõi giải ngân
PVS	42.20	37-37.8	44-45	35	23.3	27.9%	-44.8%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỜ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
11/8/2023	PHR	60.50	45.1	64-65	62	34.1%	Bán
20/12/2023	PVD	32.90	27.55	32-33	31	19.4%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	22.00	18.09	23-24	21	21.6%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ****Tăng trưởng GRDP quý I: Hải Phòng đứng đầu 5 thành phố trực thuộc Trung ương**

Trong 5 thành phố trực thuộc Trung ương, Hải Phòng, có mức tăng trưởng GRDP cao nhất với mức tăng 9,32%, trong khi Đà Nẵng lại ghi nhận mức giảm 0,83%. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê về tình hình kinh tế - xã hội, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2024 ước tính tăng 5,66% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng của quý I các năm 2020 - 2023. Trong 5 thành phố trực thuộc Trung ương (gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ), tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) quý I của Hải Phòng đứng đầu với mức tăng 9,32% so với cùng kỳ. Năm 2024, Hải Phòng đặt mục tiêu tăng trưởng ở mức 11,5-12%.

**6 đối tượng sẽ được hưởng hỗ trợ từ Quỹ Hỗ trợ đầu tư**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang xây dựng Nghị định của Chính phủ về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư và lấy ý kiến góp ý rộng rãi. Theo đó, dự kiến có 6 nhóm đối tượng xem xét hỗ trợ đầu tư từ Quỹ này gồm: Doanh nghiệp có dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghệ cao; Doanh nghiệp công nghệ cao; Doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao; Doanh nghiệp có dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển; Doanh nghiệp có dự án xanh/tăng trưởng xanh trọng điểm và doanh nghiệp Việt Nam dẫn dắt, tiên phong.

**Thu hút FDI tăng cả lượng lẫn chất trong quý I/2024**

Tiếp tục xu hướng tăng dần qua từng tháng, vốn FDI vào Việt Nam vẫn khá tích cực. Theo số liệu vừa được Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư vừa công bố: Quý I/2024, đã có hơn 6,17 tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm 2023. Trong số này, vốn đăng ký mới đạt hơn 4,77 tỷ USD, tăng 57,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi đó, vốn tăng thêm đạt 934,6 triệu USD, giảm 22,6%; còn vốn đầu tư thông qua góp vốn, mua cổ phần đạt hơn 466 triệu USD, giảm 61,7% so với cùng kỳ.

**Giá vàng trong nước và thế giới cùng lao dốc sau khi lập kỷ lục**

Vàng sụt giá do nhu cầu chốt lời và sự thận trọng của nhà đầu tư trước khi báo cáo việc làm được Bộ Lao động Mỹ công bố vào ngày thứ Sáu... Giá vàng thế giới sụt mạnh dưới kỷ lục mọi thời đại 2.300 USD/oz trong bối cảnh nhà đầu tư chờ báo cáo việc làm tháng 3 của Mỹ - một điểm dữ liệu quan trọng có thể ảnh hưởng tới triển vọng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang (Fed). Trong nước sáng nay (5/4), giá vàng miếng mất mốc 81 triệu đồng/lượng và giá vàng nhẫn cũng giảm dưới 72 triệu đồng/lượng. Lúc hơn 9h sáng, giá vàng giao ngay tại thị trường châu Á đứng ở mức 2.274,5 USD/oz, giảm 17,2 USD/oz so với đóng cửa phiên ngày thứ Năm tại thị trường Mỹ, tương đương giảm 0,75%, còn 2.273,7 USD/oz - theo dữ liệu từ sàn giao dịch Kitco.

**TIN DOANH NGHIỆP**

**ĐHCD năm 2024 ABBANK (ABB): Đẩy mạnh Dự án Làm mới Chiến lược Ngân hàng**

Ngày 5/4/2024, Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK – mã chứng khoán ABB) đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông (ĐHCD) năm 2024. Đại hội đã thông qua kế hoạch phát triển kinh doanh năm 2024, trong đó chú trọng nâng cao hiệu quả kinh doanh, đẩy mạnh chuyển đổi số và tập trung triển khai Dự án Làm mới Chiến lược Ngân hàng, chuyển đổi mô hình hoạt động phù hợp với yêu cầu của giai đoạn mới. Về các chỉ tiêu kinh doanh cho năm 2024, các cổ đông ABBANK đã thông qua kế hoạch lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 1.000 tỷ đồng.

**Vingroup lên kế hoạch thu 200.000 tỷ đồng**

Tập đoàn đặt mục tiêu doanh số lần đầu tiên cán mốc 200.000 tỷ đồng và lợi nhuận lên cao nhất 4 năm. Theo tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024, Tập đoàn Vingroup (Mã: VIC) công bố kế hoạch doanh thu kỷ lục 200.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 4.500 tỷ đồng. Các con số này tăng 24% và 119% so với kết quả năm 2023. Vingroup cho biết sẽ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh nhằm củng cố ba trụ cột chính: Công nghệ - Công nghiệp, Thương mại Dịch vụ, Thiện nguyện Xã hội. Tập đoàn sẽ duy trì mô hình P&L (báo cáo lãi lỗ) tại các công ty con.

**ĐHCD thường niên 2024 của CEO Group bất thành**

Trước đó, ĐHCD thường niên lần 1 năm 2023 của CEO Group cũng không đủ điều kiện tiến hành. Sáng ngày 5/4, CTCP Tập đoàn C.E.O (CEO Group, Mã: CEO) đã tổ chức ĐHCD thường niên 2024. Báo cáo tại Đại hội, ông Vũ Anh Hà, Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông cho biết, tổng số cổ đông của công ty là 57.398 người, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là 514.678.760 cổ phần. Tính đến 9 giờ, Đại hội có sự tham dự của 228 cổ đông (cả trực tiếp và ủy quyền), đại diện cho 174.887.094 cổ phần, chiếm 33,98% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty. Do đó, ĐHCD không đủ điều kiện tiến hành.

**Vinamilk đặt mục tiêu lợi nhuận gần 9.400 tỷ năm nay**

Vinamilk đề xuất tổng cổ tức là của năm tài chính 2023 là 38,5% mệnh giá và tỷ lệ này dự kiến được duy trì cho năm 2024. CTCP Sữa Việt Nam (Vinamilk - Mã: VNM) đã công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024, dự kiến diễn ra ngày 25/4 tại TP HCM. Năm nay, Vinamilk lên kế hoạch tổng doanh thu 63.163 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 9.376 tỷ; tăng lần lượt 4,4% và 4% so với thực hiện năm 2023. Đây sẽ là mức doanh thu cao kỷ lục của doanh nghiệp nếu đạt được.

**HOSE**
**Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất**

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	NVL	11,041,045	VHM	(15,222,841)
2	DXG	8,432,788	SSI	(12,827,791)
3	MWG	7,693,127	FUESSVFL	(10,080,100)
4	SBT	4,360,700	VCI	(7,723,489)
5	NLG	4,310,600	VND	(7,294,541)

**HNX**

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	5,355,318	IVS	(908,300)
2	IDC	580,600	MBS	(730,555)
3	CEO	386,600	TIG	(416,050)
4	LAS	352,000	IDJ	(369,100)
5	VC7	191,000	GKM	(273,500)

**Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần**

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NVL	17.25	18.30	↑ 6.09%	242,611,200
STB	31.60	29.60	↓ -6.33%	215,407,400
VIX	20.55	19.30	↓ -6.08%	186,307,900
MBB	25.40	23.35	↓ -8.07%	148,390,793
SSI	38.50	36.80	↓ -4.42%	134,330,856

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	20.10	19.80	↓ -1.49%	128,605,617
CEO	22.90	22.90	⇒ 0.00%	89,117,151
PVS	39.20	42.20	↑ 7.65%	67,791,630
PVC	14.80	16.50	↑ 11.49%	28,154,839
HUT	19.40	18.80	↓ -3.09%	25,551,772

**Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần**

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DXV	3.80	4.60	0.8	↑ 21.05%
HVN	13.50	16.00	2.5	↑ 18.52%
CMG	39.95	47.30	7.3	↑ 18.40%
CLW	37.25	42.60	5.4	↑ 14.36%
PAC	31.00	34.80	3.8	↑ 12.26%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SFN	18.20	22.50	4.3	↑ 23.63%
PTD	8.90	11.00	2.1	↑ 23.60%
TMB	71.00	84.40	13.4	↑ 18.87%
DNC	46.00	53.60	7.6	↑ 16.52%
VCM	12.80	14.70	1.9	↑ 14.84%

**Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần**

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SCD	14.50	11.60	-2.9	↓ -20.00%
POM	5.06	4.05	-1.0	↓ -19.96%
RDP	6.53	5.45	-1.1	↓ -16.54%
QBS	2.15	1.80	-0.4	↓ -16.28%
SVD	3.47	2.92	-0.6	↓ -15.85%

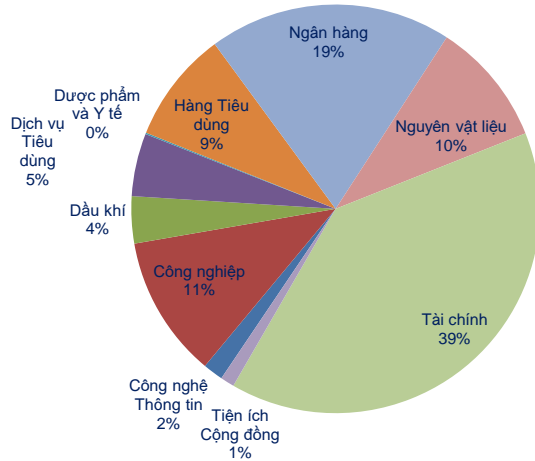
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L43	3.60	2.60	-1.0	↓ -27.78%
HMR	22.50	18.70	-3.8	↓ -16.89%
ARM	29.00	24.30	-4.7	↓ -16.21%
MST	7.20	6.20	-1.0	↓ -13.89%
VIT	19.70	17.00	-2.7	↓ -13.71%

(\*) Giá điều chỉnh





## Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



## P/E và Thị Trường



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	242,611,200	1.3%	311	56.4	0.8
STB	215,407,400	18.3%	4,094	7.3	1.2
VIX	186,307,900	11.6%	1,444	13.9	1.5
MBB	148,390,793	23.5%	3,962	6.0	1.3
SSI	134,330,856	10.1%	1,531	24.6	2.4

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	128,605,617	5.7%	688	29.7	1.6
CEO	89,117,151	3.0%	402	58.2	1.9
PVS	67,791,630	7.7%	2,148	20.0	1.5
PVC	28,154,839	2.2%	337	46.2	1.2
HUT	25,551,772	0.6%	89	214.6	1.5

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DXV	↑ 21.1%	-7.8%	-842	-	0.4
HVN	↑ 18.5%	0.0%	-2,678	-	0.0
CMG	↑ 18.4%	10.1%	1,708	26.9	2.7
CLW	↑ 14.4%	21.9%	3,735	10.7	2.3
PAC	↑ 12.3%	12.3%	2,479	14.0	1.7

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SFN	↑ 23.6%	12.8%	3,241	6.3	0.8
PTD	↑ 23.6%	5.5%	956	10.5	0.6
TMB	↑ 18.9%	57.9%	22,108	3.6	1.7
DNC	↑ 16.5%	35.9%	5,823	8.7	2.9
VCM	↑ 14.8%	1.3%	286	46.8	0.6

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	11,041,045	1.3%	311	56.4	0.8
DXG	8,432,788	1.2%	272	73.7	0.9
MWG	7,693,127	0.7%	115	442.4	3.2
SBT	4,360,700	5.3%	741	16.5	0.8
NLG	4,310,600	3.6%	1,259	35.4	1.3

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	5,355,318	7.7%	2,148	20.0	1.5
IDC	580,600	22.6%	4,223	13.7	3.1
CEO	386,600	3.0%	402	58.2	1.9
LAS	352,000	10.7%	1,316	16.9	1.8
VC7	191,000	5.2%	733	20.6	1.4

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	536,553	22.0%	5,910	16.2	3.3
BID	290,722	18.9%	3,773	13.5	2.4
VHM	187,238	20.2%	7,664	5.6	1.0
GAS	187,184	18.4%	5,053	16.1	2.9
VIC	182,962	1.5%	557	85.8	1.2

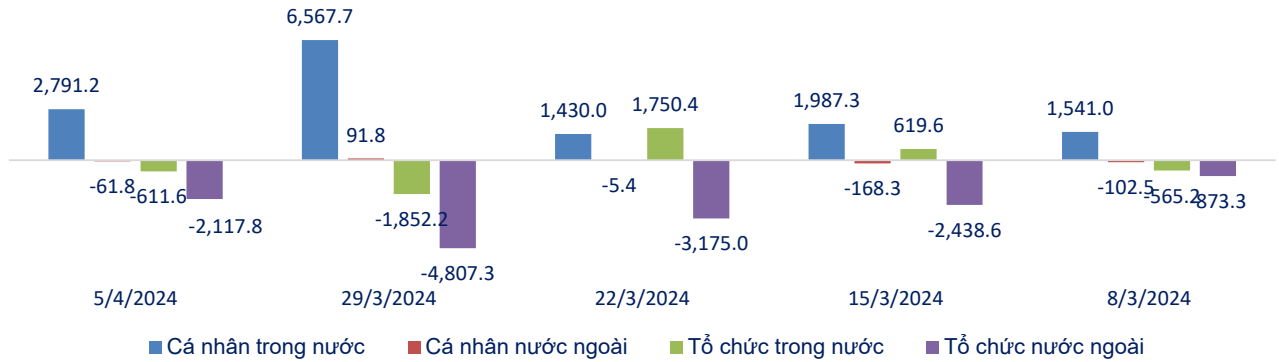
## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	20,505	7.7%	2,148	20.0	1.5
IDC	19,140	22.6%	4,223	13.7	3.1
HUT	16,958	0.6%	89	214.6	1.5
SHS	16,588	5.7%	688	29.7	1.6
THD	13,475	2.9%	458	76.3	2.2



GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	781.66	18.3%	4,094	7.3	1.2
VHM	682.30	20.2%	7,664	5.6	1.0
MSN	557.25	1.1%	293	250.2	2.7
VCI	404.60	7.1%	1,127	46.2	3.1
SSI	371.90	10.1%	1,531	24.6	2.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-559.03	0.7%	115	442.4	3.2
DXG	-249.76	1.2%	272	73.7	0.9
NLG	-207.14	3.6%	1,259	35.4	1.3
NVL	-136.28	1.3%	311	56.4	0.8
TCB	-128.57	14.7%	5,118	9.0	1.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	9.77	14.7%	5,118	9.0	1.2
BCM	8.10	13.0%	2,341	27.1	3.4
KBC	7.94	10.7%	2,646	12.7	1.3
MBB	7.58	23.5%	3,962	6.0	1.3
DIG	6.72	1.5%	195	165.4	2.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PNJ	-43.84	21.6%	5,980	16.3	3.3
NVL	-11.91	1.3%	311	56.4	0.8
VIC	-10.53	1.5%	557	85.8	1.2
SKG	-9.47	8.1%	1,101	14.9	1.2
STB	-8.06	18.3%	4,094	7.3	1.2

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUESSVFL	204.70	N/A	N/A	N/A	N/A
HPG	170.84	6.9%	1,175	25.2	1.7
MWG	167.37	0.7%	115	442.4	3.2
SSI	119.33	10.1%	1,531	24.6	2.4
MBB	109.82	23.5%	3,962	6.0	1.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-620.65	18.3%	4,094	7.3	1.2
DGC	-161.85	27.1%	8,163	15.0	3.9
MSB	-160.01	16.0%	2,322	6.2	0.9
FUEVFVND	-141.28	N/A	N/A	N/A	N/A
HPX	-106.09	3.6%	419	17.9	0.6

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	390.10	0.7%	115	442.4	3.2
NVL	213.79	1.3%	311	56.4	0.8
NLG	191.54	3.6%	1,259	35.4	1.3
TCB	179.93	14.7%	5,118	9.0	1.2
DXG	172.60	1.2%	272	73.7	0.9

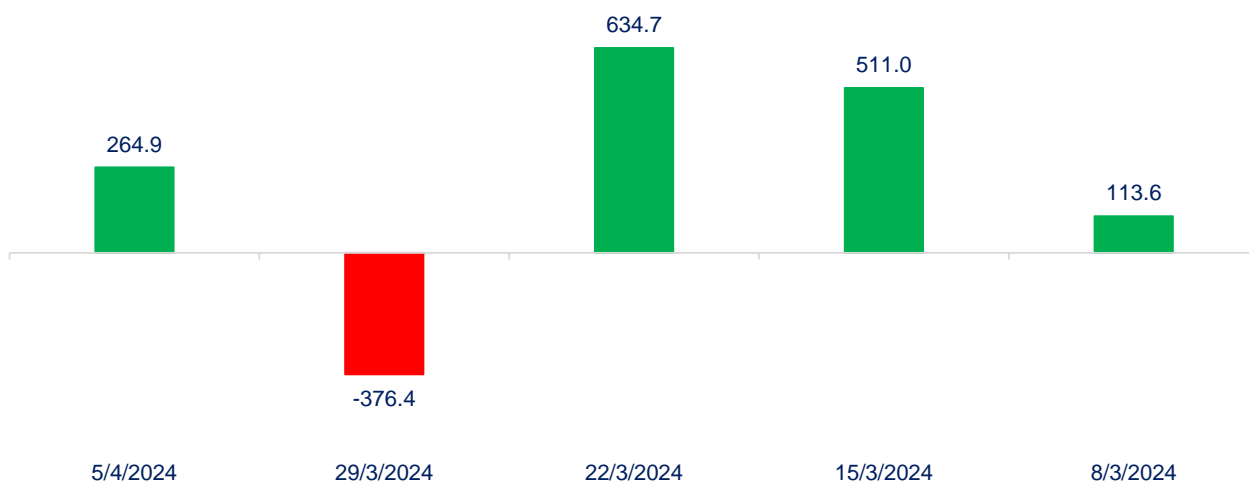
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-654.00	20.2%	7,664	5.6	1.0
MSN	-524.07	1.1%	293	250.2	2.7
SSI	-486.93	10.1%	1,531	24.6	2.4
VCI	-408.86	7.1%	1,127	46.2	3.1
VNM	-265.41	26.2%	4,248	16.1	4.1

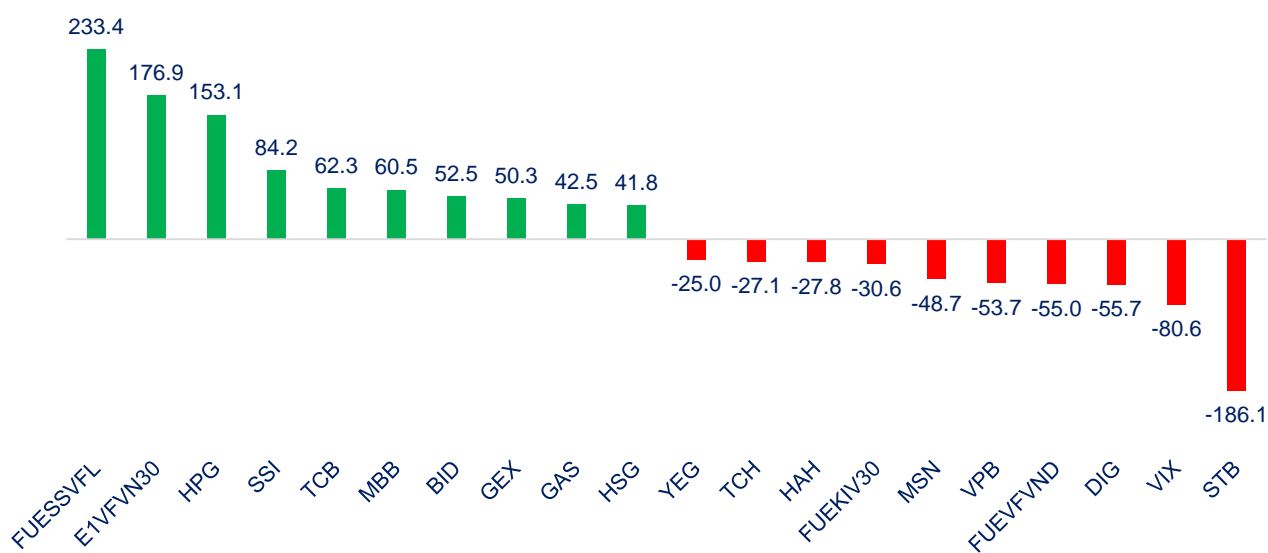




Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
6/2/2024	5/4/2024	8/3/2024	7/3/2024	<b>SZC</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
15/2/2024	5/4/2024	4/3/2024	1/3/2024	<b>VCA</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
7/2/2024	5/4/2024	5/3/2024	4/3/2024	<b>SAV</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
16/2/2024	5/4/2024	5/3/2024	4/3/2024	<b>TCM</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
19/2/2024	5/4/2024	5/3/2024	4/3/2024	<b>DTP</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
16/2/2024	5/4/2024	11/3/2024	8/3/2024	<b>STC</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22/2/2024	5/4/2024	8/3/2024	7/3/2024	<b>PMW</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
21/2/2024	5/4/2024	5/3/2024	4/3/2024	<b>CEO</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
26/2/2024	5/4/2024	11/3/2024	8/3/2024	<b>PCE</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
1/3/2024	5/4/2024	19/3/2024	18/3/2024	<b>COM</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6/3/2024	5/4/2024	26/3/2024	25/3/2024	<b>PGS</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27/2/2024	5/4/2024	11/3/2024	8/3/2024	<b>VIH</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
26/2/2024	5/4/2024	8/3/2024	7/3/2024	<b>ABB</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
5/4/2024	5/4/2024	5/4/2024	5/4/2024	<b>E1VFN30</b>	Niêm yết thêm
5/4/2024	5/4/2024	5/4/2024	5/4/2024	<b>FUEVFNVD</b>	Niêm yết thêm
5/4/2024	5/4/2024	5/4/2024	5/4/2024	<b>FUESSVFL</b>	Niêm yết thêm
6/2/2024	6/4/2024	11/3/2024	8/3/2024	<b>DNC</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
7/2/2024	6/4/2024	7/3/2024	6/3/2024	<b>HEC</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
16/2/2024	6/4/2024	4/3/2024	1/3/2024	<b>HDC</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
22/2/2024	6/4/2024	12/3/2024	11/3/2024	<b>KTW</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
26/2/2024	6/4/2024	11/3/2024	8/3/2024	<b>VTD</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
21/2/2024	6/4/2024	11/3/2024	8/3/2024	<b>VGS</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
26/2/2024	6/4/2024	5/3/2024	4/3/2024	<b>HBD</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
27/2/2024	6/4/2024	12/3/2024	11/3/2024	<b>VSM</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
12/3/2024	6/4/2024	1/4/2024	29/3/2024	<b>SCS</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
23/2/2024	6/4/2024	5/3/2024	4/3/2024	<b>HPB</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
26/1/2024	7/4/2024	22/2/2024	21/2/2024	<b>PTG</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
7/5/2021	8/4/2024	5/4/2024	5/4/2024	<b>MWG</b>	Niêm yết thêm
1/2/2024	8/4/2024	22/2/2024	21/2/2024	<b>CCI</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6/2/2024	8/4/2024	6/3/2024	5/3/2024	<b>DND</b>	Đại hội Đồng Cổ đông



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---